| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Cường

Bà Bùi Thị Nhàn

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị X; cư trú tại thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Xuân C; cư trú tại thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị X trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X và anh Dương Xuân C kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 27 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình

bố, mẹ đẻ anh Dương Xuân C ở thôn Q, xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 9 năm 2022, chị Lê Thị X đã thuê nhà trọ ở cùng thôn Q sống ly thân với anh Dương Xuân C; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Lê Thị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Xuân C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Dương Chí B - sinh ngày 31 tháng 7 năm 2015; con chung hiện do chị Lê Thị X đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị Lê Thị X đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị X và anh Dương Xuân C tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lê Thị X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

*Đối với bị đơn anh Dương Xuân C, trong quá trình giải quyết vụ án,* đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Dương Xuân C đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Dương Xuân C trước yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị X được ly hôn với anh Dương Xuân C; về con chung, giao con chung Dương Chí B - sinh ngày 31 tháng 7 năm 2015 cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[**1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, anh Dương Xuân C có nơi cư trú thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Chị Lê Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Dương Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

**[**2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Lê Thị X và anh Dương Xuân C kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 27 tháng 01 năm 2015. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị X và anh Dương Xuân C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị X được ly hôn với anh Dương Xuân C.

**[**3] Về con chung: Chị Lê Thị X và anh Dương Xuân C có 01 con chung Dương Chí B - sinh ngày 31 tháng 7 năm 2015. Ly hôn chị Lê Thị X có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh Dương Xuân C vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xét thấy con chung hiện đang do chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng nên để con chung có cuộc sống ổn định sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao con chung cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng.

**[**4] Ly hôn chị Lê Thị X có quan điểm việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do chị và anh Dương Xuân C tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm chị Lê Thị X đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, Tòa án không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

**[**5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị X được ly hôn với anh Dương Xuân C.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Chí B - sinh ngày 31 tháng 7 năm 2015 cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị X phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Lê Thị X đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004372 ngày 18 tháng 10 năm 2022) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã N (ĐKKH số 05/2015);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Duy Thạch**